BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

ĐÀ GIẢM THU HẸP VỀ CUỐI PHIÊN, CƠ HỘI KIỂM ĐỊNH LẠI NGƯỠNG 1700 ĐIỂM

23/11/2026

VN-Index	**1688.79 (-0.05%)**
824 Tr. cổ phiếu	16062.0 Tỷ VND (6.55%)
HNX-Index	**234.59 (-1.82%)**
56 Tr. cổ phiếu	695.3 Tỷ VND (7.32%)
UPCOM-Index	**119.14 (-1.01%)**
28 Tr. cổ phiếu	369.6 Tỷ VND (-10.67%)
VN30F1M	**1780.20 (-0.61%)**
185,981 HD	OI: 31,343 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** VN-Index đóng cửa phiên tại 1688.8 điểm, giảm 0.8 điểm (-0.05%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 giảm 1.7 điểm, HNX-Index giảm 4.3 điểm (-1.82%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối diễn biến thị trường.
- Dòng tiền ghi nhận diễn biến tích cực tại nhóm Bất động sản (TCH, +4.9%), Du lịch và Giải trí (VPL, +1.6%), Dịch vụ tài chính (SSI, +2.3%), Dầu khí (PVD, +3.5%); trong khi Ngân hàng (VPB, -1.9%), Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (GMD, -2.3%), Bán lẻ, (DMX, -0.8%), Thực phẩm và đồ uống (SAB, -0.7%) chịu áp lực điều chỉnh. Về tác động, VIC, TCB, STB, GAS đóng góp tích cực nhất cho chỉ số, trái lại VCB, MBB, VPB, BID tạo sức ép giảm điểm.
- Khối ngoại bán ròng hơn 800 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, ACB, HDB, trong khi mua ròng POW, TCH, MSN.
- Khối ngoại bán ròng hơn 950 tỷ đồng, tập trung ở FPT, ACB, VIX, trong khi mua ròng TCB, NKG, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** thu hẹp phần lớn đà giảm trong phiên và đóng cửa sát tham chiếu, cho thấy lực cầu bắt đáy bước đầu có phản ứng tại hỗ trợ 1680 điểm. Qua đó, chỉ số có cơ hội hồi phục và kiểm định lại ngưỡng 1700 điểm. Dù vậy, thanh khoản thấp và độ rộng thị trường chưa cải thiện rõ nét cho thấy độ tin cậy chưa cao và chưa xác nhận điểm đảo chiều. Về diễn biến tiếp theo, khả năng vượt 1700 điểm sẽ đóng vai trò xác nhận sức mạnh của nhịp hồi, với mục tiêu hướng tới vùng kháng cự 1730 - 1750 điểm. Ngược lại, nếu tiếp tục suy yếu và trở lại đánh mất mốc ngưỡng 1680 điểm, đà giảm có thể mở rộng về vùng 1640 - 1650 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối và chỉ số đã lùi về khu vực hỗ trợ mạnh quanh vùng 235 - 240 điểm. Phản ứng giằng co kiểm định có thể chi phối. Chiều ngược lại, kháng cự gần giờ là khu vực 245 – 250 điểm.
- **Chiến lược:** Duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình, đồng thời theo dõi thêm diễn biến thị trường trong quá trình tìm lại vùng cân bằng. Hạn chế hoạt động bắt đáy đối với các cổ phiếu chưa xuất hiện tín hiệu tạo đáy rõ ràng. Đối với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, có thể cân nhắc các cơ hội giao dịch ngắn hạn tại những nhóm ngành vẫn duy trì sức mạnh dòng tiền như Bất động sản, Tiện ích (Điện) và Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,688.8	**0.0%**	-2.7%	-0.2%	16,062.0	**6.5%**	5.9%	20.7%	823.6	**13.7%**	25.2%	43.0%
HNX-Index	234.6	**-1.8%**	-8.0%	-9.1%	695.3	**7.3%**	-2.9%	20.1%	55.6	**3.8%**	-30.0%	40.1%
UPCOM-Index	119.1	**-1.0%**	-1.9%	-4.9%	369.6	**-10.7%**	18.1%	-14.7%	27.5	**28.5%**	7.1%	0.9%
VN30	1,786.8	**-0.1%**	-3.1%	-3.2%	9,720.0	**1.6%**	9.9%	33.9%	335.0	**7.2%**	20.0%	41.3%
VNMID	1,807.9	**-0.7%**	-3.0%	-1.2%	5,414.5	**14.4%**	-4.1%	5.6%	336.2	**20.6%**	3.8%	23.5%
VNSML	1,174.9	**-0.6%**	-3.5%	-4.6%	452.2	**-11.3%**	-13.6%	-38.6%	46.1	**-6.5%**	2.0%	-18.2%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	576.1	**-0.5%**	-4.52%	-5.4%	6,895.2	**4.5%**	11.5%	21.2%	298.1	**10.8%**	16.0%	11.3%
Bất động sản	990.4	**0.4%**	-1.19%	11.4%	1,838.0	**11.4%**	3.8%	-23.4%	114.9	**29.0%**	22.0%	-11.4%
Dịch vụ tài chính	248.2	**0.2%**	-2.40%	-1.4%	2,252.8	**52.5%**	27.1%	7.2%	123.6	**42.9%**	23.2%	-0.4%
Công nghiệp	210.7	**-1.6%**	-5.98%	-9.6%	546.1	**-19.5%**	-35.3%	-50.8%	23.1	**-14.4%**	-32.9%	-48.5%
Tài nguyên cơ bản	453.7	**-0.1%**	-3.03%	-3.2%	445.4	**-4.5%**	-7.8%	-32.1%	25.7	**-16.2%**	-14.3%	-33.3%
Xây dựng - Vật Liệu	146.3	**-0.7%**	-3.71%	-5.5%	454.7	**30.9%**	0.8%	-22.8%	29.2	**25.0%**	6.6%	-17.1%
Thực phẩm	467.6	**-0.2%**	0.42%	-4.6%	794.1	**5.9%**	-2.6%	-16.0%	24.2	**9.5%**	3.7%	-4.5%
Bán Lẻ	1,406.2	**-0.7%**	-0.32%	-2.2%	368.9	**-34.7%**	-25.0%	-28.4%	5.3	**-36.8%**	-33.2%	-31.4%
Công nghệ	271.5	**-1.4%**	-9.69%	-20.5%	756.2	**-20.5%**	11.0%	15.7%	17.5	**-19.1%**	13.0%	20.6%
Hóa chất	147.2	**-0.3%**	-4.95%	-12.2%	151.3	**27.5%**	-7.9%	-35.7%	6.7	**25.0%**	-10.4%	-33.7%
Tiện ích	704.8	**0.2%**	-2.16%	-3.4%	491.6	**27.3%**	-3.6%	36.3%	28.9	**34.8%**	-2.2%	49.1%
Dầu khí	94.2	**0.6%**	-6.58%	-15.8%	328.8	**-47.2%**	-23.93%	-24.6%	15.6	**-54.4%**	-26.2%	-15.8%
Dược phẩm	354.9	**-1.2%**	-4.14%	-9.5%	223.1	**1977.8%**	207.2%	336.3%	12.5	**1973.0%**	234.9%	406.3%
Bảo hiểm	92.4	**-0.1%**	-8.36%	-14.3%	20.2	**-55.5%**	-34.5%	-63.6%	0.4	**-52.9%**	-34.6%	-64.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,688.8	-0.05%	-5.4%	11.2x	1.8x
SET-Index	Thái Lan	1,453	-1.31%	15.4%	12.1x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,146	-0.92%	-40.5%	11.0x	0.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,492	-0.96%	-6.6%	13.3x	1.3x
PSEi Index	Phillipines	5,307	-3.12%	-12.3%	8.4x	1.1x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,534	-1.22%	-11.0%	16.4x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	22,411	-1.89%	-12.6%	11.7x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	56,437	-5.06%	12.1%	21.0x	2.6x
S&P 500	Mỹ	7,176	-2.02%	4.8%	22.4x	5.1x
Dow Jones	Mỹ	49,097	-2.19%	2.2%	21.4x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,395	-0.55%	4.7%	14.6x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,994	-1.96%	3.5%	16.1x	2.4x
DXY		103.9	0.03%	5.7%		
USDVND		25,780	0.120%	-2.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

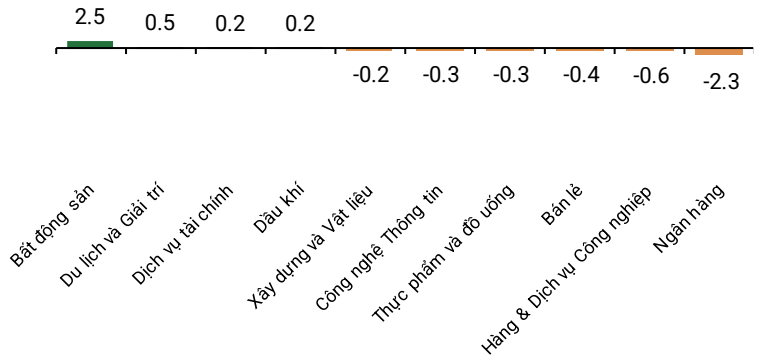
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.49%	-15.9%	50.4%	44.4%
Dầu WTI	-0.97%	-19.0%	43.5%	39.3%
Khí gas	-2.4%	7.7%	-13.4%	-28.7%
Than cốc (*)	0.0%	-2.6%	31.3%	18.9%
Thép HRC (*)	0.2%	-3.4%	-3.7%	-4.3%
PVC (*)	-0.2%	-2.3%	6.1%	8.2%
Phân Urea	0.0%	-4.1%	14.5%	10.3%
Cao su thiên nhiên	-0.8%	-7.7%	32.4%	38.9%
Bông Cotton	-0.2%	-6.3%	17.9%	22.9%
Đường	-0.5%	-16.8%	13.7%	16.4%
World Container Index	-3.0%	-6.9%	88.7%	125.5%
Baltic Dirty tanker Index	5.4%	-33.8%	264.8%	233.5%
Vàng	-1.39%	-13.3%	-17.2%	-12.3%
Bạc	-1.46%	-27.0%	-40.9%	-16.5%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



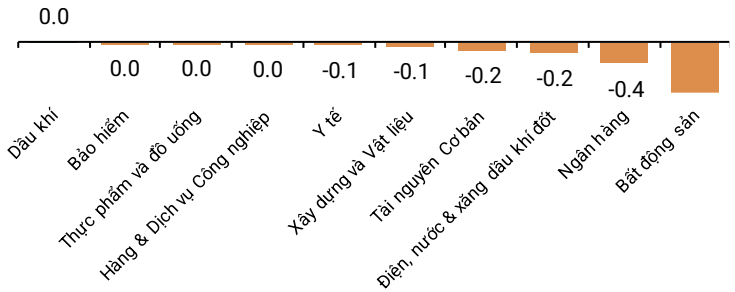
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.14 (TCX)	-0.16 (GEE)
+0.15 (VBB)	-0.16 (GMD)
+0.16 (CTG)	-0.21 (NVL)
+0.17 (VND)	-0.27 (FPT)
+0.28 (SSI)	-0.47 (HDB)
+0.55 (VPL)	-0.54 (ACB)
+0.60 (GAS)	-0.80 (BID)
+0.70 (STB)	-0.82 (VPB)
+1.32 (TCB)	-0.93 (MBB)
+3.04 (VIC)	-1.03 (VCB)

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+7 (HPG)	-37 (BID)
+11 (CTD)	-38 (BSR)
+11 (NT2)	-41 (VIX)
+13 (VNM)	-47 (STB)
+16 (DCM)	-47 (GEX)
+16 (TCB)	-50 (SHB)
+19 (TCX)	-57 (MBB)
+25 (MSN)	-104 (HDB)
+35 (TCH)	-146 (ACB)
+152 (POW)	-157 (FPT)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (PJC)	-0.03 (HJS)
+0.01 (DP3)	-0.04 (OCH)
+0.01 (CAR)	-0.04 (MAC)
+0.01 (SHE)	-0.05 (KSV)
+0.02 (LHC)	-0.06 (DHT)
+0.02 (VGS)	-0.10 (CEO)
+0.02 (PRE)	-0.19 (DTK)
+0.03 (IPA)	-0.25 (KSF)
+0.03 (PVS)	-0.49 (NVB)
+0.06 (BAB)	-1.47 (THD)

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (NSH)	-0.3 (NTP)
+0.0 (EVS)	-0.4 (BVS)
+0.0 (IPA)	-0.7 (TNG)
+0.0 (PVB)	-0.9 (MST)
+0.1 (IVS)	-1.0 (VFS)
+0.1 (VGS)	-1.3 (VC3)
+0.1 (IDJ)	-2.9 (MBS)
+1.4 (DXP)	-13.1 (PVS)
+2.0 (HUT)	-17.9 (SHS)
+11.2 (IDC)	-22.1 (CEO)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



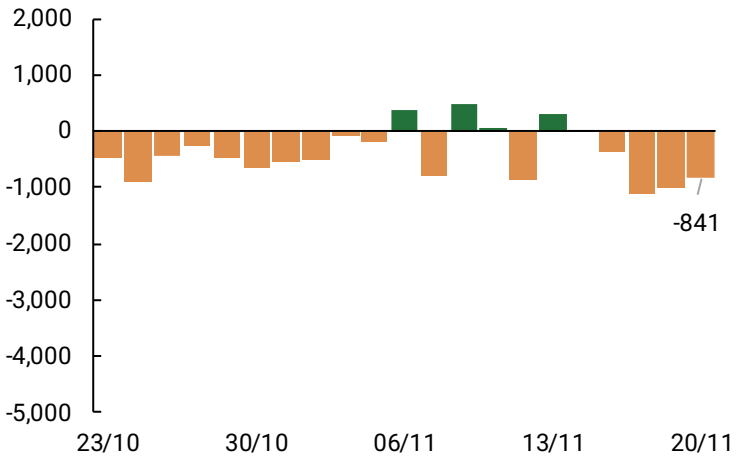
	FPT	SSI	HDB	VHM	VPB
%DoD	-1.5%	2.3%	-1.6%	0.0%	-1.9%
Giá trị	710	503	435	372	353

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	VPX	MSB	STB	OPC
%DoD	0.1%	-1.3%	0.0%	2.6%	1.6%
Giá trị	2,161	558	496	412	219

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



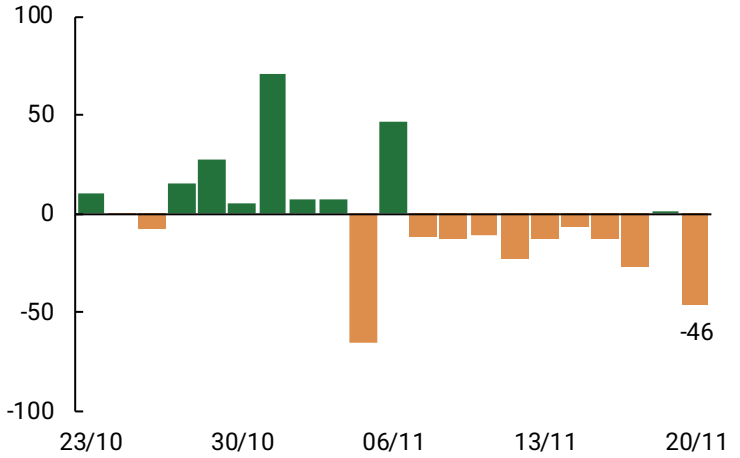
	CEO	SHS	PVS	HUT	MBS
%DoD	-2.5%	0.0%	0.4%	0.0%	0.0%
Giá trị	137	103	77	69	53

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	HMH	L40	SHS	PVS
%DoD	0.0%	0.0%	2.3%	0.0%	0.4%
Giá trị	8	7	7	4	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 l 1680.
- ✓ Kháng cự: 1740 l 1800.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số bước đầu có phản ứng tốt tại khu vực 1680 điểm, củng cố khả năng quay lại kiểm định ngưỡng 1700 điểm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, thanh khoản thấp và độ rộng thị trường chưa thực sự cải thiện đủ mạnh. Trong trường hợp ngưỡng 1680 bị phá vỡ trở lại, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 1640 – 1650 điểm. Ở chiều hồi phục, kháng cự gần hiện giờ quanh vùng 1730 – 1750 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1740 l 1780
- ✓ Kháng cự: 1840 l 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số đã lùi về vùng đáy tháng 7 quanh khu vực 1780 – 1800 điểm và bước đầu có phản ứng tốt. Lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện và thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Trường hợp ngưỡng 1780 điểm bị phá vỡ, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 1720 – 1740 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần trong chiều hồi phục giờ là ngưỡng 1830 – 1850 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**NAB**	Mua	12/11/2026	-	13	12.8 - 13	**0.8%**	14.2	10.1%	12.1	-6.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1780.2, giảm 10.9 điểm (-0.6%). Giá mở cửa thấp nhưng sớm tạo đáy rồi bật tăng, đóng cửa gần mức cao nhất phiên.
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD thu hẹp với đường tín hiệu nhưng vẫn vận động bên dưới và trong miền âm, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Dù vậy, giá đã có phản ứng kiểm định tốt khu vực hỗ trợ quanh 1770 - 1780, cùng RSI cải thiện khỏi vùng quá bán. Nếu vận động bứt phá và giữ được trên ngưỡng 1785 có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Chiều ngược lại, nếu giá trở lại suy yếu dưới ngưỡng 1770, áp lực điều chỉnh khả năng mở rộng.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1707.8, giảm 14.8 điểm (-0.9%). Độ lệch basis 9.0 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 33 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1700 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1720 điểm.

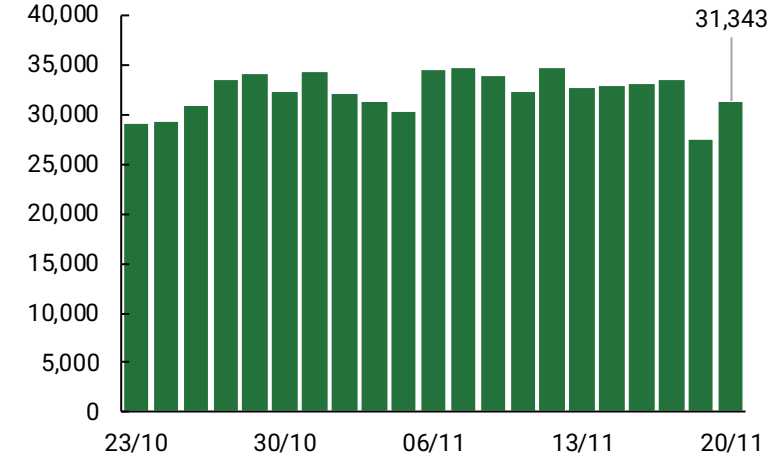
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1770	1755	1778	15 : 8
Long	> 1785	1800	1778	15 : 7

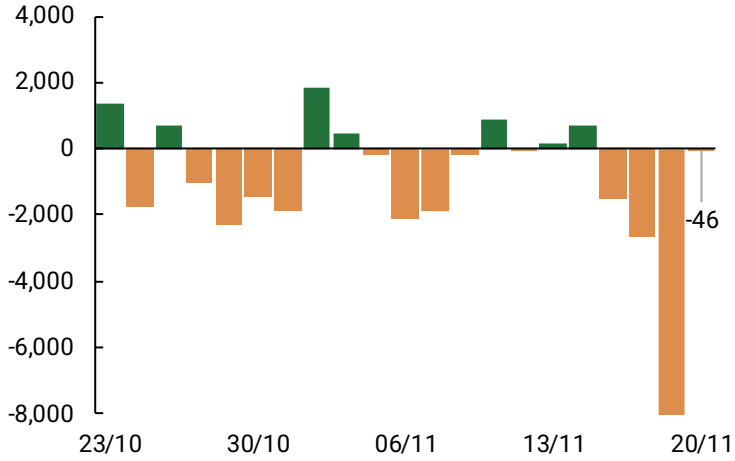
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,774.9	-14.2	24	92	1,804.4	-29.5	17/06/2027	209
41I1H3000	1,777.5	-8.0	44	351	1,796.7	-19.2	18/03/2027	118
41I1H1000	1,775.7	-20.9	354	116	1,792.0	-16.3	21/01/2027	62
41I1GC000	1,780.2	-10.9	185,981	31,343	1,789.1	-8.9	17/12/2026	27
41I2GC000	1,707.8	-14.8	33	46	1,719.0	-11.2	17/12/2026	27

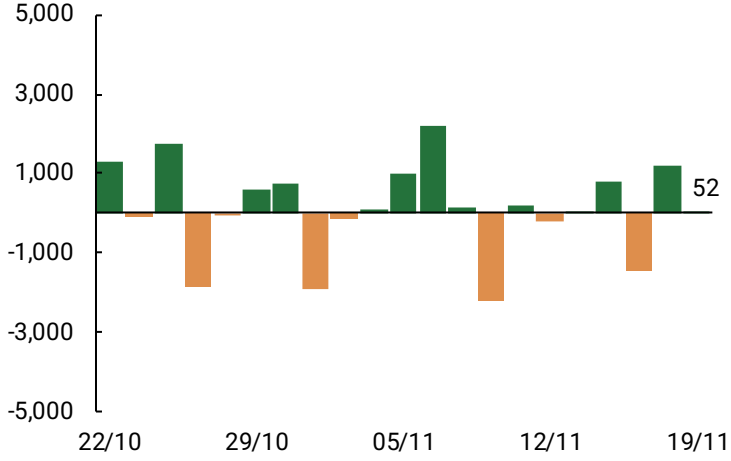
Khối lượng mở (Open interest)



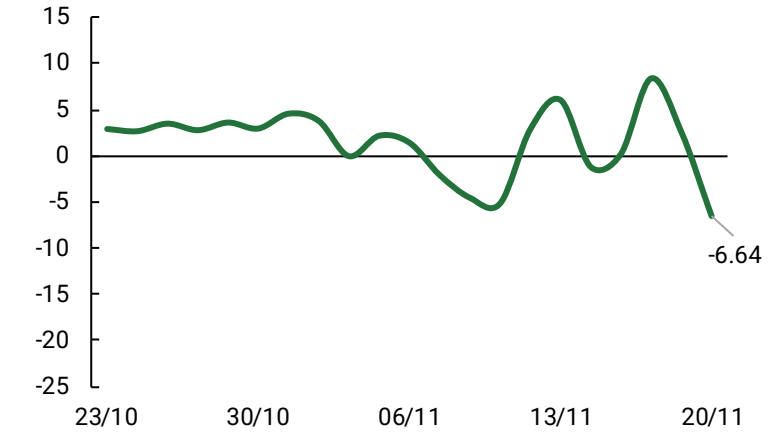
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



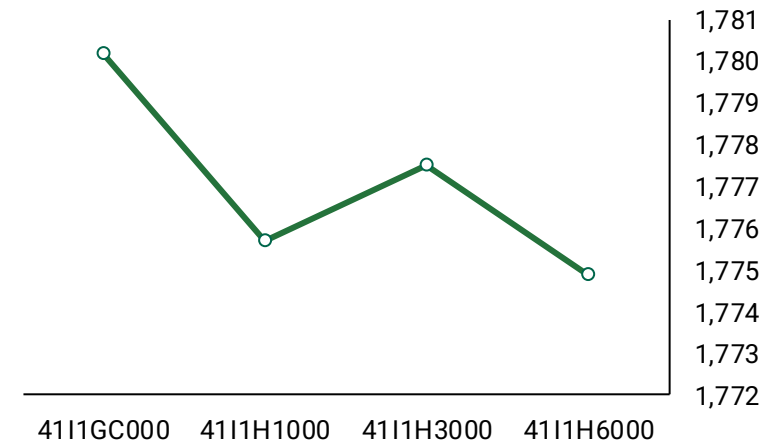
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



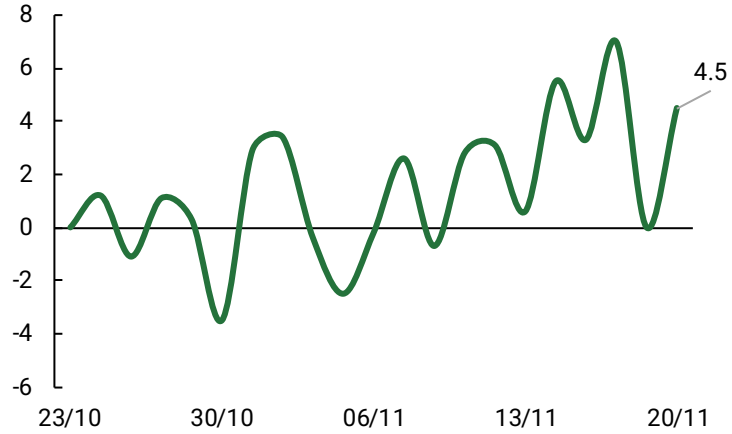
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	23,600	31,150	32.0%	Mua
CTD	72,800	79,600	9.3%	Nắm giữ
CTG	30,100	39,700	31.9%	Mua
DBD	43,800	56,700	29.5%	Mua
DDV	14,496	29,000	100.1%	Mua
DGW	38,950	48,300	24.0%	Mua
DHC	35,500	42,900	20.8%	Mua
DPG	32,200	42,900	33.2%	Mua
FRT	148,000	177,400	19.9%	Tăng tỷ trọng
GMD	50,000	62,600	25.2%	Mua
HAH	45,700	55,800	22.1%	Mua
HPG	20,450	28,700	40.3%	Mua
MBB	18,250	25,200	38.1%	Mua
MCH	132,000	148,500	12.5%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	71,700	108,800	51.7%	Mua
NT2	23,850	24,800	4.0%	Nắm giữ
POW	13,300	15,500	16.5%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,650	26,000	39.4%	Mua
SSI	20,000	31,200	56.0%	Mua
TCB	21,200	26,200	23.6%	Mua
TCH	13,900	14,200	2.2%	Nắm giữ
TLG	52,900	59,700	12.9%	Tăng tỷ trọng
VCB	50,200	72,100	43.6%	Mua
VPB	20,500	29,500	43.9%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

Quốc hội thông qua Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng ngưỡng doanh thu lên 400 tỷ đồng: Sáng 20/11, luật được thông qua với 485/485 đại biểu tán thành, có hiệu lực từ 1/7/2027. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có tối đa 300 lao động và tổng nguồn vốn không quá 150 tỷ đồng hoặc doanh thu không quá 400 tỷ đồng; các tiêu chí mới áp dụng cho chính sách thuế từ kỳ tính thuế 2027. Luật quy định giảm 30% tiền thuê đất, ưu tiên các gói thầu đến 20 tỷ đồng và lần đầu áp dụng phiếu hỗ trợ (voucher).

Tỷ giá trung tâm lập đỉnh lịch sử mới: Sáng 20/11, NHNN nâng tỷ giá trung tâm sau một phiên giảm, vượt mức kỷ lục ghi nhận ngày 18/11; giá USD niêm yết tại Vietcombank, BIDV và trên thị trường tự do cùng tăng. Trên thị trường quốc tế, chỉ số USD Index neo quanh vùng cao nhất 19 tháng, được hỗ trợ bởi kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất sau khi biên bản cuộc họp tháng 10 cho thấy các quan chức nghiêng về thắt chặt chính sách.

Giá vàng thế giới giảm về vùng thấp nhất 14 tháng: Trong phiên 19/11, giá vàng giảm sâu, có thời điểm chạm mức thấp nhất kể từ tháng 9/2025 do đồng USD mạnh lên và kỳ vọng Fed tăng lãi suất. Theo CME FedWatch, xác suất Fed tăng 25 điểm cơ bản trong tháng 12 lên tới 96.4%. Các Thống đốc Fed Christopher Waller và Michael Barr cũng ủng hộ chính sách thắt chặt hơn trước áp lực lạm phát.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

KDH - Nhóm VinaCapital tiếp tục mua vào, nâng sở hữu tại Nhà Khang Điền lên 8.05%: Ngày 19/11, quỹ Longwoods Worldwide Limited thuộc VinaCapital mua 1 triệu cổ phiếu KDH, nâng tỷ lệ sở hữu của nhóm từ 7.97% lên 8.05% vốn điều lệ. Từ đầu tháng 11, quỹ này đã mua 12.5 triệu cổ phiếu ngày 6/11 và nhóm VinaCapital mua ròng hơn 3.38 triệu cổ phiếu ngày 10/11. Ở chiều ngược lại, nhóm Dragon Capital bán 710,000 cổ phiếu ngày 10/11, giảm sở hữu về 4.99% và không còn là cổ đông lớn.

PNJ - 4 Giám đốc cao cấp từ nhiệm trong chưa đầy 3 tuần: HĐQT PNJ thông qua đơn từ nhiệm của 3 Giám đốc cao cấp phụ trách chiến lược, nhân sự và khách hàng - bán lẻ, hiệu lực từ 26/11; trước đó Giám đốc cao cấp Tài chính thôi nhiệm vụ từ 17/11 và PNJ thay Trưởng Kiểm toán nội bộ. Ông Đào Trung Kiên vừa được bổ nhiệm vị trí mới ngày 10/10. Quý 3/2026, PNJ lỗ sau thuế gần 258 tỷ đồng, cùng kỳ lãi gần 496 tỷ đồng; doanh thu thuần giảm 14% YoY.

VPB - 22 quỹ đầu tư bán ròng gần 11.9 triệu cổ phiếu VPBank trong tháng 10: Theo báo cáo của FiinGroup, VPB đứng thứ tư về khối lượng bị các quỹ bán ròng, sau OCB, FPT và HPG, và là cổ phiếu ngân hàng có nhiều quỹ bán ròng nhất. Nhóm ngân hàng bị các quỹ bán ròng khoảng 1,212 tỷ đồng trong tháng 10, trong khi nhóm bất động sản được mua ròng khoảng 336 tỷ đồng.

BMJ - Khoáng sản Miền Đông AHP niêm yết gần 105 triệu cổ phiếu trên HOSE: Ngày 20/11, BMJ chào sàn HOSE với giá tham chiếu 11,900 đồng/cổ phiếu. Doanh nghiệp khai thác mỏ đá Rạch Rạt, công suất cấp phép 800,000 m³/năm. 9 tháng 2026, BMJ đạt doanh thu 538 tỷ đồng và LNST 75.7 tỷ đồng, hoàn thành 80% kế hoạch lợi nhuận năm.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801